

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 260/TTr-TNMT ngày 31/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty CP Xuất nhập khẩu phân bón Bắc Giang, địa chỉ trụ sở chính tại Khu phố 1, đường Trần Nguyên Hãn, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu phân bón Bắc Giang” tại tổ dân phố số 1, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu phân bón Bắc Giang.

1.2. Chủ cơ sở: Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu phân bón Bắc Giang.

1.3. Địa điểm hoạt động: Tổ dân phố số 1, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 2400424769 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 25/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19/7/2022.

1.5. Mã số thuế: 2400424769.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất phân bón NPK.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Cơ sở được thực hiện tại Tổ dân phố số 1, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, với tổng diện tích 7.630,7 m².

- Quy mô, công suất của cơ sở:

+ Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); có yếu tố nhạy cảm về môi trường; không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Công suất hoạt động của cơ sở: 30.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty CP Xuất nhập khẩu phân bón Bắc Giang được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu phân bón Bắc Giang có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu phân bón Bắc Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang để kiểm tra, xem xét giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 37/QĐ-TNMT ngày 09/02/2010 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường của “Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu phân bón Bắc Giang” tại tổ dân phố số 1, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang do Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu phân bón Bắc Giang làm Chủ cơ sở và các Giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành theo quy định.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Bắc Giang, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu phân bón Bắc Giang” tại Tổ dân phố số 1, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang của Công ty CP Xuất nhập khẩu phân bón Bắc Giang được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 241/QĐ-TNMT ngày 28/3/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường và kết quả thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung nêu trên đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND thành phố Bắc Giang; UBND phường Thọ Xương; Công ty CP Xuất nhập khẩu phân bón Bắc Giang và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty CP Xuất nhập khẩu phân bón Bắc Giang
(trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, TN. Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU
CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: 02 nguồn.

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại cơ sở.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hệ thống đập bụi công đoạn sấy sản phẩm, được tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra môi trường.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

Dòng nước thải: Gồm 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở (công suất 8 m³/ngày đêm) xả ra sông Thương.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Thương tại tổ dân phố Hòa Yên, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 vị trí xả ra sông Thương tại cửa công thoát nước thải công nghiệp 420 của Công ty cổ phần phân đạm và hóa chất Hà Bắc thuộc tổ dân phố Hòa Yên, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang.

- Tọa độ xả thải: X = 2356296; Y = 416336 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 8 m³/ngày đêm, tương đương khoảng 0,33 m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở (công suất 8 m³/ngày đêm) được bơm ra đường ống HDPE D32, dài khoảng 700m đi dọc theo mương thoát nước mưa, hệ thống mương thoát nước thải công nghiệp 420 của Công ty cổ phần phân đạm và hóa chất Hà Bắc thuộc tổ dân phố Hòa Yên, phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang xả ra sông Thương.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào sông Thương phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1	
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	5	
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6	
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Trong thời gian chưa hoàn thành hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 8 m³/ngày đêm: Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, xử lý qua hệ thống bể tự hoại theo đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và được xác nhận tại Giấy xác nhận số 1345/GXN-TNMT ngày 04/8/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Nước thải sau xử lý của cơ sở được thoát xuống hồ môi trường của Công ty cổ phần phân đạm và hóa chất Hà Bắc cho đến khi cơ sở hoàn thành đầu tư xây dựng hệ thống xử lý.

+ Dự kiến đến tháng 8/2024 cơ sở hoàn thành đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 8m³/ngày đêm, khi đó toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải này để tiếp tục xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi xả ra sông Thương.

Nước thải từ nhà vệ sinh của cơ sở được thu gom xuống 01 bể tự hoại 03 ngăn thể tích 8 m³, sau đó qua hệ thống ống nhựa PVC D110 dài khoảng 2m, đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 8 m³/ngày đêm của cơ sở.

Nước thải phát sinh từ khu vực nhà bếp sau khi qua song chắn rác được thu gom xuống bể tách dầu mỡ (thể tích 2m³), sau đó qua đường ống PVC D110 dài khoảng 3m, đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 8 m³/ngày đêm của cơ sở.

- Nước thải sản xuất: Nước thải phát sinh từ hệ thống dập bụi được xử lý qua bể lắng cặn 05 ngăn thể tích 30m³. Nước thải sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng cho hệ thống xử lý bụi, không xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 8 m³/ngày đêm): Nước thải sinh hoạt (nước thải từ khu nhà vệ sinh sau khi xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn, nước thải nhà bếp sau khi xử lý qua bể tách dầu mỡ) → Bể điều hòa nước thải → Bể thiếu khí - Anoxic → Bể hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 (MBBR) → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Hệ lọc áp lực → Khử trùng → Nguồn tiếp nhận nước thải (nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A được xả ra sông Thương).

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải: 8 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho trạm xử lý nước thải: Chlorine 40 lít/năm; men vi sinh 20 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

a) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành các hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành); tuân thủ định mức hóa chất.

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, đường ống công nghệ để kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất, tư vấn thiết kế; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải (máy bơm, máy thổi khí,...).

- Bố trí nhân viên vận hành có trình độ để thực hiện đúng các yêu cầu vận hành và nhận biết các sự cố phát sinh.

b) Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

* Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất xử lý của hệ thống xử lý nước thải hay sự cố kỹ thuật khác:

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng để kiểm tra, xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc thì phải dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để khắc phục sự cố trong vòng 01 ngày, đồng thời Chủ cơ sở thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đem đi xử lý theo quy định.

- Bố trí máy phát điện dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải trong trường hợp mất điện.

* Khi gặp sự cố nước thải xử lý không đạt quy chuẩn cho phép:

Nước thải qua hệ thống xử lý có thể gặp các sự cố như một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, Chủ cơ sở cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

c) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 8/2024 đến tháng 10/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 8 m³/ngày đêm).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- 01 mẫu nước thải đầu vào (tại bể điều hòa) của hệ thống xử lý nước thải.

- 01 mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A) (Chi tiết theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Vị trí lấy mẫu	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Số lượng mẫu	Quy chuẩn so sánh
Đầu vào: Bể điều hòa nước thải	pH, BOD ₅ (20 ⁰ C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H ₂ S), Amoni (Tính theo N), Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P), Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N), Tổng các chất hoạt động bề mặt, Dầu mỡ động, thực vật, Tổng Coliforms	Lấy 01 mẫu đơn. Thời gian dự kiến lấy mẫu: ngày 09/9/2024.	01 mẫu	QCVN 14:2008/BTNMT, cột A

Vị trí lấy mẫu	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Số lượng mẫu	Quy chuẩn so sánh
Đầu ra: Nước thải sau xử lý qua hệ thống xử lý nước thải	pH, BOD ₅ (20 ⁰ C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H ₂ S), Amoni (tính theo N), Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P), Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N), Tổng các chất hoạt động bề mặt, Dầu mỡ động, thực vật, Tổng Coliforms	Lấy mẫu 01 lần/ngày, trong 03 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến lấy mẫu: Lần 1: Ngày 09/9/2024 Lần 2: Ngày 10/9/2024 Lần 3: Ngày 11/9/2024	03 mẫu	QCVN 14:2008/BTNMT, cột A

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào sông Thương. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang để kiểm tra, xem xét giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: 05 nguồn

- Nguồn số 01: Phát sinh từ lò sấy sản phẩm.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ công đoạn nghiền (*nghiền nguyên liệu và nghiền tuần hoàn*).
- Nguồn số 03: Phát sinh từ công đoạn phối trộn nguyên liệu.
- Nguồn số 04: Phát sinh từ công đoạn sàng.
- Nguồn số 05: Phát sinh từ công đoạn vê viên.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 01 dòng khí thải tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi phát sinh từ lò sấy sản phẩm.

2.1. Vị trí xả khí thải:

- 01 vị trí tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi phát sinh từ lò sấy sản phẩm.
- Tọa độ vị trí xả thải (*theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3⁰*): X= 2356505; Y= 416479.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 18.000 m³/giờ, tương đương 144.000 m³/ngày đêm (01 ngày hoạt động 8 giờ).

2.3. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục trong thời gian làm việc của cơ sở (thời gian làm việc 8 giờ/ngày).

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả ra ngoài môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

* Bụi, khí thải phát sinh từ lò sấy sản phẩm: Lượng bụi và khí thải phát sinh công đoạn sấy được thu gom khép kín qua hệ thống thu gom bằng ống thép hình tròn có đường kính $\Phi 630\text{mm}$ dài 10m dẫn đến hệ thống xử lý bụi, khí thải trước khi thoát ra ngoài môi trường, cụ thể:

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sấy sản phẩm qua Cyclon tách bụi, 80% lượng bụi được tách ra thu hồi qua cửa thải bụi quay trở lại công đoạn phối trộn nguyên liệu. Lượng khí thải và bụi còn lại được thu gom dưới sự tác động của quạt hút; cơ sở sử dụng tháp phun nước với áp lực lớn tạo sương mù bằng bơm hút qua Béc phun ngược chiều với dòng khí thải (phun liên tục). Các hạt bụi bị hấp thụ và rơi xuống bể lắng cặn, nước sau khi lắng cặn tại bể được đưa sang bể chứa nước tuần hoàn để tái sử dụng (không xả thải ra môi trường).

Tại bể lắng cặn 05 ngăn, dung tích 30m^3 , Chủ cơ sở tiến hành vệ sinh nạo vét định kỳ 06 tháng/lần, sau đó cặn lắng được thu gom làm nguyên liệu sản xuất, nước thải sau xử lý được tuần hoàn cho hệ thống xử lý bụi, khí thải.

* Bụi phát sinh từ công đoạn nghiền (nghiền nguyên liệu và nghiền tuần hoàn): Nguyên liệu, sản phẩm tuần hoàn được nghiền trong thiết bị kín, chủ cơ sở bố trí bồn xung quanh khu vực đặt máy nghiền bằng tôn nhựa diện tích 12m^2 , đảm bảo không làm phát sinh bụi ra ngoài môi trường hoặc khu vực nhà xưởng.

* Bụi phát sinh từ công đoạn phối trộn nguyên liệu: Nguyên liệu sản xuất của cơ sở được phối trộn dưới bể xây ngầm với cửa nạp liệu kích thước hạn chế ($20\text{cm} \times 80\text{cm}$), đảm bảo không làm phát tán bụi từ công đoạn phối trộn ra ngoài môi trường hoặc khu vực nhà xưởng.

* Bụi phát sinh từ công đoạn sàng: Cơ sở sử dụng 02 máy sàng rung (sàng rung 02 lưới và máy sàng rung 01 lưới). Chủ cơ sở đã bố trí bồn xung quanh khu vực đặt máy sàng bằng tôn nhựa diện tích 40m^2 , đảm bảo không làm phát sinh bụi ra ngoài môi trường hoặc khu vực nhà xưởng.

* Bụi phát sinh từ công đoạn vê viên: Trong quá trình vê viên tạo hạt thực hiện cấp nước thông qua các vòi phun sương vừa giúp tạo ẩm cho việc tạo hạt, đảm bảo không làm phát sinh bụi ra ngoài môi trường hoặc khu vực nhà xưởng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý bụi từ lò sấy sản phẩm: Bụi, khí thải phát sinh từ lò sấy sản phẩm \rightarrow ống dẫn khí \rightarrow Cyclon lọc bụi thô \rightarrow quạt hút \rightarrow tháp đập bụi \rightarrow ống thoát khí \rightarrow môi trường tiếp nhận (Khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế: $18.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Biện pháp phòng ngừa:

- Lập quy trình vận hành cho hệ thống xử lý khí thải.
- Khi sự cố xảy ra thì phải dừng hệ thống, đồng thời thông báo với đơn vị có chức năng để kiểm tra, xử lý.
- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và thông báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

b) Biện pháp ứng phó:

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại cơ sở, đồng thời dừng hoạt động, liên hệ đơn vị thi công lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng chuyên môn để khắc phục, đồng thời báo cáo cho cơ quan chức năng để kiểm tra, kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Công trình xử lý khí thải của cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận số 1345/GXN-TNMT ngày 14/8/2014. Do đó cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xem xét giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang để kiểm tra, kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các máy móc, thiết bị trong nhà xưởng sản xuất của cơ sở.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 vị trí phát sinh từ nhà xưởng sản xuất. Tọa độ: X= 2356518; Y= 416499 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiếu 3^0).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt tại chân của quạt công nghiệp và máy móc gây ồn, rung.
- Những nơi điều hành sản xuất được bố trí cách ly riêng.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết máy móc, thiết bị và cho dầu bôi trơn thường kỳ.

- Lắp đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.
- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.
- Nhà xưởng thông thoáng, lắp đặt hệ thống quạt thông gió, tạo không gian rộng rãi, giảm khả năng vang vọng tiếng ồn.
- Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn (như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ, ..).
- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng,...

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Loại CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại	Rắn	12
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	1
3	Dầu động cơ thải bỏ	Lỏng	20
Tổng cộng			33

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: khoảng 166 kg/ngày, với thành phần chủ yếu là vỏ bao dứa, nilon,...

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 40 kg/ngày, tương đương với khoảng 1.040 kg/tháng, với thành phần chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân huỷ (rau thừa, vỏ hoa quả, thức ăn thừa...), giấy và các loại phế thải từ khâu phục vụ văn phòng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí 03 thùng chứa dung tích 100 lít/thùng, có nắp đậy, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại và được dán mã chất thải nguy hại tương ứng.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 6 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Mái và tường bằng tập lợp fibro xi măng bao quanh, nền bê tông xi măng chống thấm, có cửa ra vào, gắn biển báo cảnh báo bên ngoài theo quy định.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định (tần suất khoảng 01 lần/năm) hoặc khi thùng chứa đầy.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Không bố trí thiết bị lưu chứa

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Diện tích khu lưu chứa: 40m².

- Kết cấu khu lưu chứa: Nền bê tông, có mái che bằng tôn.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định (tần suất khoảng 06 tháng/lần).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 10 thùng nhựa chứa rác dung tích 100 lít/thùng, có nắp đậy ở khu vực văn phòng, khu vực bếp, khu vực nhà ăn...

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Không bố trí kho chứa.

- Chủ cơ sở ký hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định (tần suất khoảng 01 lần/ngày).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động trở lại sau khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /6/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty CP Xuất nhập khẩu phân bón Bắc Giang (Chủ cơ sở) có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành cơ sở. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh cơ sở.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện cơ sở; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thực hiện thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt để đưa về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở đảm bảo xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi xả ra sông Thương; đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải của cơ sở để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi xả thải ra môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 260/TTr-TNMT ngày 31/5/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường./.